TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2022/DS-PT
Ngày: 28/12/2022
V/v tranh chấp "Chia tài sản thuộc sở hữu chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Chia tài sản thuộc sở hữu chung".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 309/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Lê Võ Chí N, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Đường L, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp: Dương Mỹ L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền ngày 07/4/2021.

- *Bị đơn:* Lê Võ Vĩnh P, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Đường L, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T, Công ty Luật TNHH MTV Vĩnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1968;

2. Lê Nguyễn Khoa N1, sinh năm 1996;

3. Lê Nguyễn Q, sinh năm 2007;

Người đại diện hợp pháp của Lê Nguyễn Q: Lê Võ Chí N, sinh năm 1966 (cha ruột) và Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1968 (mẹ ruột); cùng địa chỉ: Đường L, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo pháp luật.

4. Lê Thị Diễm H1, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Đường T, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5. Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Đường H, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

6. Lê Thị Kim C, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Đường H, Khu phố H, Phường N, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Võ Vĩnh P.

(Các đương sự Dương Mỹ L, Võ Lê Chí Nguyện, Võ Lê Vĩnh Phúc, Lê Thị Diễm H1, Lê Thị Ngọc T, Lê Thị Kim C, Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T có mặt; Nguyễn Thị Thu H, Lê Nguyễn Khoa N1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Lê Võ Chí N, ủy quyền cho chị Dương Mỹ L trình bày:*

Cha ông N là cụ Võ Văn T1 (sinh năm 1911, chết năm 2001) và mẹ là cụ Lê Thị C1 (sinh năm 1924, chết năm 2006). Cụ T1 và cụ C1 có tổng cộng 05 người con gồm: Bà Lê Thị Diễm H1, ông Lê Võ Vĩnh P, bà Lê Thị Ngọc T, bà Lê Thị Kim C và ông Lê Võ Chí N. Cha mẹ cụ T1 và cụ C1 đã chết trước hai cụ. Khi cụ C1 và cụ T1 chết, di sản do hai cụ chết để lại gồm thửa đất 153, diện tích 286,9m^2 và thửa đất số 167, diện tích 4.179,1m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00216 do Uỷ ban nhân dân thành phố M cấp ngày 30/9/2004 cho hộ bà C1; phần đất tọa lạc tại Phường N, thành phố M. Nguồn gốc thửa đất trên là do cụ C1 và cụ T1 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Sau khi cụ C1 chết, ngày 21/5/2007, các anh em của ông N đã làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế do cụ C1 chết để lại. Ngày 27/8/2007, các anh em của của ông N làm thủ tục phân chia di sản thừa kế do cụ C1 chết để lại. Tại văn bản thoả thuận, các anh em của ông N thoả thuận phân chia như sau:

- Ông N và ông P được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 3.833,36m^2 thuộc thửa đất số 212.

- Ông N được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 232,5m^2 thuộc thửa đất số 211.

- Bà T được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 87,25m^2 thuộc thửa đất số 215 và phần đất diện tích 229,9m^2 thuộc thửa đất 216.

- Bà H1 được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 95,5m^2 thuộc thửa đất 213.

- Bà C được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 103,75m^2 thửa đất 214.

Sau khi thỏa thuận phân chia, các anh em của ông N đã được đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định. Ông N và ông P được chia phần đất thuộc thửa 212 tờ bản đồ 38, diện tích 3.833,36m^2 tọa lạc đường H, Khu phố H, Phường N, thành phố M, Tiền Giang (nay còn lại 3.629,16m^2 do đã bị thu hồi 204,26m^2). Trên đất còn có 01 ngôi nhà cấp 4 do ông P xây dựng từ những năm 1990, hiện ông N đang sinh sống cùng vợ là Nguyễn Thị Thu H và 02 con là Lê Nguyễn Khoa N1, Lê Nguyễn Q. Quá trình sử dụng đất ông P và ông N thường xuyên mâu thuẫn do ông P ngăn cản không cho ông N cho thuê hoặc xây dựng… nhằm khai thác giá trị kinh tế của thửa đất, ông N chỉ được ở không được làm gì khác đối với tài sản của mình, ông N bức xúc nên đề nghị phân chia thửa đất và mỗi người tự định đoạt đối với phần đất của mình nhưng ông P không đồng ý. Nay cuộc sống của ông N rất khó khăn, vợ bệnh nặng ông N cần nhiều chi phí cho cuộc sống nhưng không được khai thác hiệu quả kinh tế đối với thửa đất của mình, lúc cần vốn để làm ăn cũng không thể vay vốn ngân hàng do ông P không đồng ý và gây cho ông N rất nhiều khó khăn, ông P thì điều kiện kinh tế rất khá nên cố tình gây khó khăn cho ông N, ông N nhiều lần thương lượng không được nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông N yêu cầu chia cho ông N ½ diện tích đất trong khối tài sản chung của ông N và ông P là phần đất thuộc thửa 212 tờ bản đồ 38, diện tích 3.833,36m^2 tọa lạc đường H, Khu phố H, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang tương đương với diện tích S1=1.762,7m^2; phần diện tích còn lại S2=1.752,2m^2 và căn nhà gắn liền đất giao cho ông P được quyền sở hữu, quyền sử dụng đất. Trên phần đất S1 mà ông N yêu cầu được nhận có cây trồng và 01 phần hàng rào do ông P xây dựng, ông N đồng ý hoàn lại giá trị cho ông P theo kết quả định giá.

** Bị đơn ông Lê Võ Vĩnh P trình bày:*

Ông thống nhất với nội dung trình bày của ông N về hàng thừa kế của cụ T1 và cụ C1. Quá trình chung sống, cụ T1 và cụ C1 đã tạo lập được các tài sản gồm:

- Một căn nhà ngói vách gạch toạ lạc Đường T, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Một ngôi nhà ngói vách gạch và 4.700m^2 đất vườn toạ lạc Đường L, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Căn nhà là do ông P xây dựng cho cha mẹ ở.

Ngày 15/4/1995, cụ T1 và cụ C1 đã lập di chúc được Uỷ ban nhân dân Phường N công chứng số 432. Nội dung di chúc hai cụ định đoạt như sau:

- Một căn nhà ngói vách gạch toạ lạc Đường T, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang giao cho bà Lê Thị Diễm H1 cùng con trai bà H1 là Lê Nguyễn Bảo H2 được toàn quyền sở hữu nhà và đất tại đường T.

- Một ngôi nhà ngói vách gạch và 4.700m^2 đất vườn toạ lạc đường L, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang dùng để thờ cúng, 05 anh em của ông là đồng sở hữu, không được mua bán, tặng cho, sang nhượng hoặc thế chấp.

Ngày 01/12/2001, cụ T1 mất. Sau khi cụ T1 mất, phần đất và căn nhà tại đường L do cụ C1 và ông N quản lý. Đến năm 2005, cụ C1 cùng 05 anh em của ông có thỏa thuận là trích ra một phần đất mặt tiền đường L (nay là đường H) chia cho 05 anh em của ông (diện tích trên dưới khoảng 100m^2) để làm nơi kinh doanh, mua bán. Việc thỏa thuận này được cụ C1 và 05 anh em ông P thống nhất nhưng không có lập biên bản và chưa phân chia trên thực tế thì ngày 09/7/2006, cụ C1 mất.

Đến năm 2007, các anh em của ông thực hiện theo thỏa thuận năm 2005 là phân chia đất cho các anh chị em. Cụ thể mỗi anh em được một phần đất từ 100m^2 – 200m^2 và 05 anh em đã được đứng tên trên thực tế. Riêng phần đất của ông P được chia, do thấy gia đình của ông N có con nhỏ, khó khăn, ông P có bàn với gia đình là giúp cho ông N được ở trên phần đất của ông P, để sau này có con cất nhà rộng rãi, không được chuyển nhượng cho bất cứ ai, sau này ông N có điều kiện hay khá giả thì trả lại cho ông P. Phần đất ông cho ông N mượn chỉ nói miệng không có lập biên bản giấy tờ gì cả nhưng tất cả anh em của ông đều biết. Đó là lý do vì sao ông N được đứng tên phần đất diện tích 232,5m^2. Sau này, khi được đứng tên giấy đất ông N đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 211 cho người khác, khi chuyển nhượng thì ông không hay, đến khi người mua đất về cất nhà (khoảng 10 năm) thì ông mới biết.

Năm 2010, Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất của thửa đất 212 và có đền bù khoảng 995.000.000 đồng, số tiền này ông N nhận 500.000.000 đồng, còn ông nhận 495.000.000 đồng. Phần đất còn diện tích khoảng 3.800m^2, 05 anh em ông thống nhất để cho ông và ông N cùng đứng tên quyền sử dụng đất; đồng thời phần đất này anh em ông chỉ được quản lý dùng cho việc thờ cúng ông bà không được mua bán tặng cho hay chuyển nhượng cho bất cứ ai. Cách đây khoảng 03 năm, năm nào vào mùa khô ông cũng thuê xe về đào liếp, trồng cây, xây hàng rào kiên cố, làm cống thoát nước cho thửa đất 212 để thửa đất không bị ngập nước vào mùa khô. Kinh phí tôn tạo đất được ông lấy từ tiền lãi của khoản tiền gởi tiết kiệm 495.000.000 đồng mà trước đây Nhà nước đền bù.

Do đó, nay với yêu cầu của ông N, ông không đồng ý và yêu cầu ông N thực hiện theo đúng di chúc của cha mẹ là để thửa đất 212 và căn nhà gắn liền với đất dùng cho việc thờ cúng, không được mua bán, tặng cho, chuyển nhượng hay thế chấp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H và chị Lê Nguyễn Khoa N1 thống nhất trình bày:*

Bà H và chị Nghi thống nhất với nội dung trình bày của ông N và không bổ sung gì thêm. Do bận công việc nên đề nghị Toà án cho vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Diễm H1 trình bày:*

Cụ T1 và cụ C1 là cha mẹ của bà. Cha mẹ có tất cả 05 người con như ông P và ông N trình bày. Cụ T1 và cụ C1 có tạo lập các tài sản là nhà và đất ở đường T và đường L như ông P trình bày. Nhà và đất ở đường T có nguồn gốc là của cha mẹ tạo lập nên. Đối với phần đất vườn ở phường N có nguồn gốc do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng từ người khác vào năm 1975. Sau khi chồng bà mất, bà đã sang tên phần đất vườn cho cụ C1 được đứng tên quyền sử dụng đất. Trước khi cụ C1 và cụ T1 mất, bà có nghe cha mẹ nói lại phần đất và nhà ở đường T giao cho bà và con bà được quyền sở hữu; đối với phần đất vườn và nhà thờ ở đường L để lại cho 05 anh em bà đồng sở hữu, dùng vào việc thờ cúng và giao cho ông N quản lý. Bà chỉ nghe cha mẹ nói lại, bà không biết việc cụ T1 và cụ C1 lập di chúc đề ngày 15/4/1995. Sau khi cha mẹ mất, năm 2007, ông N và ông P thông báo cho 03 chị em gái bà được biết là di nguyện của cha mẹ để lại là chia cho 05 anh em mỗi người phần đất ngang 05m và dài hết đất để làm nơi kinh doanh, mua bán; phần còn lại để ông N và ông P đứng tên, quản lý, thờ cúng ông bà. Ông N và ông P yêu cầu các anh chị em ra phòng công chứng lập văn bản khai nhận di sản do cha mẹ chết để lại và thoả thuận phân chia di sản, ông N và ông P đều không đề cập đến di chúc ngày 15/4/1995. Sau khi thoả thuận phân chia, bà đã được đứng tên quyền sử dụng đất. Năm 2014, bà đã chuyển nhượng phần đất trên cho người khác. Nay với yêu cầu của nguyên đơn, bà đồng ý và không có ý kiến gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc T trình bày:*

Bà thống nhất với nội dung trình bày của bà H1. Sau khi được đứng tên quyền sử dụng đất phần được chia thì năm 2018, bà đã chuyển nhượng cho người khác. Nay với yêu cầu của nguyên đơn, bà không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim C trình bày:*

Bà thống nhất với nội dung trình bày của bà H1; bà chỉ bổ sung thêm về nguồn gốc phần đất vườn tại đường L, bà không biết là của cụ T1 và cụ C1 tạo lập hay do bà H1 nhận chuyển nhượng từ người khác. Sau khi được đứng tên quyền sử dụng đất phần được chia thì năm 2019, bà đã chuyển nhượng cho người khác. Nay với yêu cầu của nguyên đơn, bà không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 219 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Võ Chí N đối với ông Lê Võ Vĩnh P.

Chia tài sản thuộc sở hữu chung của ông Lê Võ Chí N và ông Lê Võ Vĩnh P là thửa đất số 212, tờ bản đồ số 38, diện tích 3.629,16m^2 (qua đo đạc thực tế có diện tích là 3.514,9m^2) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04338 do Uỷ ban nhân dân thành phố M cấp ngày 04/9/2007. Phần đất toạ lạc Khu phố H, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Cụ thể như sau:

- Chia cho ông Lê Võ Chí N được quyền sử dụng phần đất ký hiệu S1 có diện tích 1.762,7m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trang thửa đất ngày 08/7/2022 của Công Ty TNHH Tài nguyên và Môi trường I và được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất. Phần đất ký hiệu S1 có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp đường N.

+ Phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa 212 (ký hiệu S2).

+ Phía Đông giáp với thửa đất số 335.

+ Phía Tây giáp đường H, thửa đất 169 và thửa đất số 02.

(Có sơ đất kèm theo).

- Chia cho ông Lê Võ Vĩnh P được quyền sử dụng phần đất ký hiệu S2 có diện tích 1.752,2m^2 (trong đó có 89,7m^2 OĐT) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trang thửa đất ngày 08/7/2022 của Công Ty TNHH Tài nguyên và Môi trường I và được quyền sở hữu căn nhà, các tài sản khác gắn liền với đất. Phần đất ký hiệu S2 có tứ cận như sau :

+ Phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 212 (ký hiệu S1).

+ Phía Nam giáp đường R.

+ Phía Đông giáp với thửa đất số 496 và thửa đất 495.

+ Phía Tây giáp các thửa đất số 2, 220, 219 và số 9.

(Có sơ đất kèm theo).

- Ông Lê Võ Chí N và ông Lê Võ Vĩnh P được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Võ Chí N về việc ông Lê Võ Chí N tự nguyện hoàn lại cho ông Lê Võ Vĩnh P giá trị cây cây trồng và một phần hàng rào trên phần đất ký hiệu S1 với số tiền là 33.020.000 đồng (ba mươi ba triệu không trăm hai chục ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 22/9/2022, bị đơn ông Lê Võ Vĩnh P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản thuộc sở hữu chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Võ Vĩnh P trình bày: Phần diện tích đất tranh chấp 3.514,9m^2 có nguồn gốc thuộc thửa đất số 167, diện tích 4.700m^2 tọa lạc đường L, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là tài sản của cụ T1 và cụ C1 chết để lại. Năm 1995, cụ T1 và cụ C1 lập di chúc với ý nguyện để tài sản này vào mục đích thờ cúng, không sang nhượng, thế chấp. Hình thức di chúc phù hợp pháp luật, nội dung không trái pháp luật nên có hiệu lực. Năm 2007, các đồng thừa kế thỏa thuận phân chia di sản là trái pháp luật vì đã vi phạm ý nguyện của người để lại di sản. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông N và tiếp tục chia di sản là không đúng quy định của pháp luật về thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không phân chia di sản thờ cúng.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Võ Vĩnh P, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Ông Lê Võ Vĩnh P nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Vợ chồng cụ Võ Văn T1, sinh năm 1911 (chết năm 2001) và cụ Lê Thị C1, sinh năm 1924 (chết năm 2006) có 05 người con gồm các ông, bà: Lê Thị Diễm H1, Lê Võ Vĩnh P, Lê Thị Ngọc T, Lê Thị Kim C và Lê Võ Chí N. Sinh thời, cụ T1 và cụ C1 đã tạo lập được các tài sản gồm:

- Thửa đất số 167, tờ bản đồ số 38, diện tích 4179.1m^2 tại Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00216QSDĐ/286/QĐ.UB(29/3/2004) do Uỷ ban nhân dân thành phố M cấp ngày 30/9/2004 cho hộ cụ Lê Thị C1;

- Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 38, diện tích 286.9m^2 tại Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00215QSDĐ/286/QĐ.UB(29/3/2004) do Uỷ ban nhân dân thành phố M cấp ngày 30/9/2004 cho hộ cụ Lê Thị C1.

Sau khi cụ Lê Thị C1 chết, ngày 21/5/2007, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 và cụ C1 gồm ông N, ông P, bà H1, bà T và bà C đã làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế do cụ T1 và cụ C1 chết để lại, được Phòng công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang công chứng số 70, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Tại văn bản khai nhận di sản thừa kế, các ông bà đều xác định cụ T1 và cụ C1 không lập di chúc để định đoạt tài sản.

Ngày 27/8/2007, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất tiếp tục lập văn bản phân chia di sản thừa kế do cụ T1 và cụ C1 chết để lại. Tại văn bản phân chia, được Phòng công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang công chứng số 123, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đều xác định cụ T1 và cụ C1 không lập di chúc định đoạt tài sản và thoả thuận phân chia như sau:

- Ông Lê Võ Chí N và ông Lê Võ Vĩnh P được quyền sử dụng phần đất diện tích 3833.36m^2, với số thửa đất 212, tờ bản đồ số 38.

- Ông Lê Võ Chí N được quyền sử dụng phần đất diện tích 232.50m^2, với số hiệu thửa đất số 211, tờ bản đồ số 38.

- Bà Lê Thị Ngọc T được quyền sử dụng phần đất diện tích 87.25m^2 với số hiệu thửa đất số 215 và phần đất diện tích 229.9m^2, với số hiệu thửa đất số 216, tờ bản đồ số 38.

- Bà Lê Thị Diễm H1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 95.5m^2, với số hiệu thửa đất số 213, tờ bản đồ số 38.

- Bà Lê Thị Kim C được quyền sử dụng phần đất diện tích 103.75m^2, với số hiệu thửa đất số 214, tờ bản đồ số 38.

Ngày 04/9/2007, Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04338 cho ông N và ông P đứng tên quyền sử dụng đất đối với thửa số 212 tờ bản đồ 38, diện tích 3.833,36m^2 (đất ở: 89,7m^2, đất trồng cây lâu năm 3.743,66m^2) tại Khu phố H, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19/12/2014, Uỷ ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thu hồi 204.2m^2 đất để thực hiện công trình cải tạo Rạch B nên diện tích còn lại là 3.629,16m^2. Sau khi nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện công trình cải tạo Rạch B với số tiền 995.000.000 đồng, ông P chia cho ông N số tiền 500.000.000 đồng, chia cho ông số tiền 495.000.000 đồng.

Với các chứng cứ nêu trên, đủ cơ sở xác định di sản thừa kế của cụ T1 và cụ C1 đã được các đồng thừa kế phân chia tài sản chung từ năm 2007. Việc phân chia không xâm phạm quyền lợi của bất cứ thừa kế nào, các bên đã đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã chuyển nhượng cho người khác, không ai tranh chấp. Như vậy, đã có cơ sở xác định di sản thừa kế của cụ T1 và cụ C1 đã được các đồng thừa kế định đoạt chuyển thành quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân nên di sản thừa kế của các cụ không còn từ năm 2007. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông N chia tài sản chung đối với quyền sử dụng thửa đất số 212, tờ bản đồ số 38 là có căn cứ đúng pháp luật.

Ông P kháng cáo cho rằng, năm 1995 cụ T1 và cụ C1 lập di chúc có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (di chúc này do ông giữ) thì nhà và đất tranh chấp dùng vào việc thờ cúng, không chuyển nhượng hoặc thế chấp, do vậy cần thực hiện theo ý nguyện của các cụ. Xét thấy, sau khi cụ C1 chết, ông P không công bố di chúc mà cùng các đồng thừa kế thống nhất xác định cụ T1 và cụ C1 không để lại di chúc định đoạt tài sản nên lập văn bản khai nhận di sản thừa kế và lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản của các cụ năm 2007, do vậy di sản thừa kế của cụ T1 và cụ C1 không còn từ năm 2007; mặt khác, ông P kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ phản bác nội dung bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Võ Vĩnh P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6]. Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Võ Vĩnh P là không có căn cứ pháp luật như nhận định trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 219, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Võ Vĩnh P.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 117/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Võ Chí N.

- Chia cho ông Lê Võ Chí N được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.762,7m^2 thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 38 tại Khu phố H, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04338 do Uỷ ban nhân dân thành phố M cấp ngày 04/9/2007 và được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp đường N.

+ Phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa 212 (ký hiệu S2).

+ Phía Đông giáp với thửa đất số 335.

+ Phía Tây giáp đường H, thửa đất 169 và thửa đất số 02.

(Kèm theo theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 08/7/2022 của Công Ty TNHH Tài nguyên và Môi trường I – ký hiệu S1).

- Chia cho ông Lê Võ Vĩnh P được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.752,2m^2 (trong đó có 89,7m^2 ODT) thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 38 tại Khu phố H, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04338 do Uỷ ban nhân dân thành phố M cấp ngày 04/9/2007 và được quyền sở hữu căn nhà, các tài sản khác gắn liền với đất. Phần đất có tứ cận như sau :

+ Phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 212 (ký hiệu S1).

+ Phía Nam giáp đường R.

+ Phía Đông giáp với thửa đất số 496 và thửa đất 495.

+ Phía Tây giáp các thửa đất số 2, 220, 219 và số 9.

(Kèm theo theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 08/7/2022 của Công Ty TNHH Tài nguyên và Môi trường I – ký hiệu S2).

- Ông Lê Võ Chí N và ông Lê Võ Vĩnh P được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Võ Chí N về việc ông Lê Võ Chí N tự nguyện hoàn lại cho ông Lê Võ Vĩnh P giá trị cây cây trồng và một phần hàng rào trên phần đất ký hiệu S1 với số tiền là 33.020.000 đồng (ba mươi ba triệu không trăm hai chục ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí: Ông Lê Võ Vĩnh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai thu số 0022608 ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang thành án phí.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- CCTHADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Huy